TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNST
Ngày: 20-4-2018
"Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Chi

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VL, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 444/2017/TLST-HN, ngày 17/11/2017, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: khóm B - phường C - thành phố V - tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đàm Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường P - phường B - thành phố V - tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2017 và lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông T tự tìm hiểu nhau được một năm thì đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/11/2000. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc khoảng hai năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình nên tình cảm vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2015, bà H đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân dân thành phố Vĩnh Long nhưng sau đó rút đơn vì muốn tạo cơ hội để cả hai vợ chồng hàn gắn tình cảm, tuy nhiên việc hàn gắn tình cảm vợ chồng thời gian qua cũng không có kết quả. Bà H xác định hiện tại không còn tình cảm với ông T vì vậy bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên là Đàm Gia H sinh ngày 20/01/2009, hiện cháu H do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi con và

không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà H khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về phía bị đơn ông Đàm Thanh T nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không có văn bản trả lời. Tòa án Thông báo hòa giải nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Vụ án đưa ra xét xử đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định; nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình qui định của pháp luật, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả bất lợi theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đàm Thanh T.

Về con chung: Giao cháu Đàm Gia H sinh ngày 20/01/2009 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được qui định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đàm Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị H và ông Đàm Thanh T tự tìm hiểu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/11/2000 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, bà H xác định đời sống chung giữa bà và ông T không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm tiếp tục chung sống nên bà H giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía ông T nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không có văn bản trả lời, cũng không tham gia hòa giải và xét xử, do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét đến ý kiến của ông T về quan hệ hôn nhân của ông và bà H. Tòa án xem xét yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại tòa cho thấy hôn nhân của bà H và ông T đã không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt thành, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên là Đàm Gia H sinh ngày 20/01/2009, hiện cháu H do bà H nuôi dưỡng, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thời gian vợ chồng mâu thuẫn, cháu H do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về phía ông T cũng không thể hiện ý kiến gì về việc yêu cầu nuôi con trong vụ án này, do đó tiếp tục giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T được quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 83 Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đàm Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Gia H sinh ngày 20/01/2009 cho bà H a tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà H được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 10/11/2017 theo biên lai thu số N_0 0003116 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Vĩnh Long.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TATVL;
- VKS TPVL;
- THA TPVL;
- Đ/S;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung